

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 01 – 2022

“V/v ly hôn giữa  
anh H1 và chị Q”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN H1ỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* chị Hồ Thị Kim P

***- Thư ký phiên tòa:*** anh Trần Thiện N – Thư ký Tòa án nhân dân H1ện Phú T, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện Phú T tham gia phiên tòa:***

Anh Nguyễn Văn H – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân H1ện Phú T xét xử sơ thẩm tranh chấp vụ án thụ lý số: 290/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn số: 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* anh Trương Quốc H1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số 398, tổ 16, ấp Long Quới 1, xã Long Điền B, H1ện Chợ M, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn:* chị Nguyễn Thị Tú Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ: số 149, tổ 08, ấp Phú Trường, thị trấn Chợ V, H1ện Phú T, tỉnh An Giang.

*(cả hai bên đương sự đều có đơn xin vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trương Quốc H1 trình chị:

+ Quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, năm 2016 anh và chị Nguyễn Thị Tú Q tự nguyện kết hôn, nhưng khanh đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do hai bên khanh hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Từ năm 2018 đến nay anh chị ly thân. Nay, anh H1 yêu cầu ly hôn chị Q.

+ Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Trương Hải Yên, sinh ngày 04/7/2016, từ lúc ly thân đến nay chị Q nuôi con, anh H1 đồng ý giao con cho chị Q tiếp tục nuôi và anh không cấp dưỡng.

+ Về chia tài sản và nợ chung: khanh có.

Ngày 24/12/2021 anh H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Tại bản tự khai ngày 24-12-2021 chị Nguyễn Thị Tú Q (là bị đơn) trình chiy:

+ Quan hệ hôn nhân: chị Q thống nhất với trình chiy trên của anh H1. Nay, anh H1 yêu cầu ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

+ Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Trương Hải Yên, sinh ngày 04/7/2016 chị Q đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và khanh yêu cầu anh H1 cấp dưỡng cho con.

+ Về chia tài sản và nợ chung: khanh có.

Ngày 24/12/2021 chị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ: tại Canh văn số 509/UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ V, H1ện Phú T, tỉnh An Giang cho biết tra cứu dữ liệu kết hôn từ năm 2016 đến nay khanh tìm thấy kết hôn giữa chị Nguyễn thị Tú Q và anh Trương Quốc H1. Nhưng năm 2016 chị Q có đến Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ V xác nhận tình trạng hôn nhân để đăng ký kết hôn với anh H1 tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền B. Tại Canh văn số 01/UBND ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, H1ện Chợ M, tỉnh An Giang cho biết qua xác minh việc lưu giữ sổ hộ tịch anh Trương Quốc H1 và chị Nguyễn thị Tú Q khanh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền B; trường hợp đăng ký khai sinh cho bé Trương Hải Yên, sinh ngày 04/7/2016 có thanh tin của cha và mẹ là giải quyết theo nhu cầu của người dân làm thủ tục cha nhận con để làm khai sinh cho bé (kèm theo quyết định cha nhận con).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án, anh Trương Quốc H1 yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Tú Q, nhưng anh chị khăng khăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị khăng khăng nhận anh H1 và chị Q là vợ chồng; nuôi con chung, đề nghị giao con chung cho chị Q nuôi, chị Q khăng khăng yêu cầu anh H1 cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị, nên anh H1 khăng khăng phải cấp dưỡng; đương sự khăng khăng yêu cầu chia tài sản và nợ chung khăng khăng có nên khăng khăng xem xét; về án phí anh H1 phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Trương Quốc H1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Tú Q, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H1 và chị Q đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 320 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H1 và chị Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Năm 2016 anh H1 và chị Q sống chung như vợ chồng, nhưng khăng khăng đăng ký kết hôn theo luật định, tại Canh văn số 509/UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ V, H1ện Phú T, tỉnh An Giang và Canh văn số 01/UBND ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, H1ện Chợ M, tỉnh An Giang đều xác định anh H1 và chị Q khăng khăng có đăng ký kết hôn tại đây. Do đó, hôn nhân của anh chị là khăng khăng hợp pháp. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khăng khăng nhận anh Trương Quốc H1 và chị Nguyễn Thị Tú Q là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: anh H1 và chị Q thống nhất chị Q được tiếp tục nuôi con chung tên Trương Hải Yến, sinh ngày 04/7/2016. Chị Q khăng khăng yêu cầu anh H1 cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận giao cháu Yến cho chị Q trực tiếp nuôi, anh H1 khăng khăng phải cấp dưỡng cho con.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà khăng khăng ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

[2.4] Về chia tài sản chung: Hai bên đương sự khăng khăng có, nên Tòa án

khanh đề cập.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định khanh có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh H1 và chị Q thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, anh H1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Quan hệ hôn nhân: khanh canh nhận anh Trương Quốc H1 và chị Nguyễn Thị Tú Q là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Trương Hải Yến, sinh ngày 04/7/2016 cho chị Q trực tiếp nuôi, chị đang nuôi dưỡng. Anh H1 khanh phải cấp dưỡng cho con.

2.2. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà khanh ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: khanh có.

Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định khanh có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng

minh nợ chung của anh H1 và chị Q thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh H1 phải chịu 150.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004224 ngày 24-12- 2021, còn lại 150.000đ hoàn trả cho anh H1 tại Chi cục Thi hành án dân sự H1ện Phú T, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND H1ện Phú T;
- UBND TT Chợ V, H. Phú T;
- UBND xã Long Điền B, H.CHỢ M
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Kim P**